

UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGDĐT-VP

Thanh Hóa, ngày tháng 7 năm 2025

V/v rà soát, cập nhật, hệ thống hóa danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo

Kính gửi:

- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân xã, phường.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 11212/UBND-THĐT ngày 15/7/2025 về việc triển khai chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Công văn số 2389- CV/TU ngày 12/7/2025 về rà soát, xử lý các khó khăn, vướng mắc; nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế, Sở Giáo dục và Đào tạo đã rà soát, cập nhật và hệ thống hóa toàn bộ danh mục thủ tục hành chính (TTHC) thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước thực hiện ở 02 cấp chính quyền, gồm 159 TTHC (cấp tỉnh: 112 TTHC và cấp xã: 47 TTHC), cụ thể như sau:

1. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

- Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp: **25** TTHC;
- Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên: **12** TTHC;
- Lĩnh vực Giáo dục trung học: **10** TTHC;
- Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo với nước ngoài: **18** TTHC;
- Lĩnh vực Các cơ sở giáo dục khác: **19** TTHC;
- Lĩnh vực Thi, tuyển sinh: **08** TTHC;
- Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân: **14** TTHC;
- Lĩnh vực Văn bằng, chứng chỉ: **03** TTHC;
- Lĩnh vực Kiểm định chất lượng giáo dục: **04** TTHC.

2. Thủ tục hành chính cấp xã

- Lĩnh vực Giáo dục mầm non: **09** TTHC;
- Lĩnh vực Giáo dục tiểu học: **06** TTHC;
- Lĩnh vực Giáo dục trung học: **10** TTHC;
- Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên: **04** TTHC;
- Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp: **02** TTHC;
- Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân: **11** TTHC;

- Lĩnh vực Các cơ sở giáo dục khác: **02** TTHC;
- Lĩnh vực Thi, tuyển sinh: **01** TTHC;
- Lĩnh vực Văn bằng, chứng chỉ: **02** TTHC;

(Có danh mục chi tiết kèm theo văn bản này)

Danh mục TTHC đã được tổng hợp theo từng lĩnh vực, từng cấp chính quyền; gắn đường dẫn (link) từng thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; theo đó, có thể tra cứu tên, mã số thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí (*nếu có*), cách thức và trình tự thực hiện. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường truy cập vào địa chỉ duy nhất trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia <https://thutuc.dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-trang-chu.html>. Danh mục thủ tục hành chính nêu trên sẽ thường xuyên thay đổi, cập nhật đồng bộ mới do Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ theo văn bản quy phạm pháp luật.

Đề nghị các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan chủ động nghiên cứu, khai thác và tổ chức thực hiện đảm bảo quy định của pháp luật, thống nhất, đồng bộ trên toàn tỉnh; đồng thời, thông tin, tuyên truyền, phổ biến, rộng rãi đến người dân, tổ chức biết, tra cứu, áp dụng khi thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị các đơn vị có văn bản gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo cấp thẩm quyền giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng CM, NV cơ quan Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Tạ Hồng Lựu

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-VP ngày /7/2025 của Sở GDĐT Thanh Hóa)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định Công bố	Ghi chú
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
I	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp			
1	1.013763.H56	Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2252/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
2	1.013760.H56	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
3	1.013764.H56	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;		
4	1.013762.H56	Cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
5	1.013765.H56	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận		
6	1.013761.H56	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
7	1.013759.H56	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường trung cấp tư thực		
8	2.000130.H56	Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	2162/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
9	1.000159.H56	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam		
10	1.010927.000.00.00.H56	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn	1002/QĐ-UBND ngày 04/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
11	1.010928.000.00.00.H56	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	2252/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
12	1.010593.000.00.00.H56	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực	1002/QĐ-UBND ngày 04/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
13	1.010596.000.00.00.H56	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực		

14	1.010595.000.00.00.H56	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực.		
15	1.010594.000.00.00.H56	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị		
16	1.000154.000.00.00.H56	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	2252/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
17	1.000167.000.00.00.H56	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp		
18	1.000138.000.00.00.H56	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
19	1.000482.000.00.00.H56	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	1002/QĐ-UBND ngày 04/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
20	1.000509.000.00.00.H56	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận		
21	1.000530.000.00.00.H56	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	2252/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
22	1.000553.000.00.00.H56	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài		
23	1.000389.000.00.00.H56	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp		
24	2.000189.000.00.00.H56	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	1002/QĐ-UBND ngày 04/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
25	2.000632.000.00.00.H56	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực		
II	Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên			
26	1.013757.H56	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	2252/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
27	1.013756.H56	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực hoạt động trở lại		
28	1.013755.H56	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực		
29	1.013754.H56	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực		
30	1.013753.H56	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực		
31	1.013751.H56	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực		

32	1.013758.H56	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)		
33	1.013752.H56	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực hoạt động trở lại		
34	1.012988.H56	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)		
35	3.000317.H56	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	2252/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
36	3.000315.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên		
37	3.000316.H56	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại		
III	Lĩnh vực Giáo dục Trung học			
38	1.012956.H56	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	2252/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
39	1.012955.H56	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông		
40	1.012944.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông		
41	1.012954.H56	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại		
42	1.012953.H56	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục		
43	2.002479.000.00.00.H56	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Việt Nam về nước	1360/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	
44	2.002480.000.00.00.H56	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài		
45	2.002478.000.00.00.H56	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông.		
46	1.001088.000.00.00.H56	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	3350/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	
47	3.000181.000.00.00.H56	Tuyển sinh trung học phổ thông	611/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
IV	Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo với nước ngoài			
48	1.013767.H56	Giải thể, chấm dứt cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập	2162/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
49	2.000451.H56	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam		
50	2.000545.H56	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc		

		tế liên chính phủ		
51	1.001501.H56	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện		
52	2.000680.H56	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam		
53	1.008721.H56	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận		
54	2.000729.H56	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài		
55	1.008720.H56	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	2162/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
56	1.008723.000.00.00.H56	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	2252/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
57	1.008722.000.00.00.H56	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận		
58	1.000718.000.00.00.H56	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam		
59	1.006446.000.00.00.H56	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam		
60	1.000939.000.00.00.H56	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam		
61	1.001493.000.00.00.H56	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	4600/QĐ-UBND ngày 20/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	
62	1.001495.000.00.00.H56	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam		
63	1.001496.000.00.00.H56	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết		
64	1.001497.000.00.00.H56	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục		
65	1.001499.000.00.00.H56	Phê duyệt liên kết giáo dục		
V	Lĩnh vực Các cơ sở giáo dục khác			
66	1.012960.H56	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	4983/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	

			của Chủ tịch UBND tỉnh	
67	3.000306.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	2252/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
68	3.000305.H56	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	2252/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
69	3.000304.H56	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật		
70	3.000303.H56	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại		
71	3.000302.H56	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục		
72	3.000300.H56	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)		
73	3.000299.H56	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao		
74	3.000298.H56	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại		
75	3.000297.H56	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục		
76	1.012959.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao		
77	1.012958.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên		
78	3.000301.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật		
79	2.001987.000.00.00.H56	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	4983/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	
80	1.005061.000.00.00.H56	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học		
81	1.004991.000.00.00.H56	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	2252/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
82	1.004999.000.00.00.H56	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên		
83	1.004988.000.00.00.H56	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại		
84	1.005008.000.00.00.H56	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục		
VI	Lĩnh vực thi, tuyển sinh			
85	1.009394.000.00.00.H56	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	1821/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh	
86	1.005090.000.00.00.H56	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	2240/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
87	1.005142.000.00.00.H56	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	675/QĐ-UBND ngày 04/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
88	1.005095.000.00.00.H56	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông		
89	1.013338.H56	Xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông		
90	1.005098.000.00.00.H56	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông		

90	1.001942.000.00.00.H56	Đăng ký xét tuyển trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non	5217/QĐ-UBND ngày 04/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	
91	1.003734.000.00.00.H56	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	3350/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	
VII	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân			
92	2.002756.H56	Thông báo đủ điều kiện tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số	1945/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
93	1.000280.000.00.00.H56	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	2209/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
94	1.000288.000.00.00.H56	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia		
95	1.000691.000.00.00.H56	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia		
96	1.001714.000.00.00.H56	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	2240/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
97	2.002593.H56	Đề nghị đánh giá, công nhận Đơn vị học tập cấp tỉnh	283/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	
98	1.002982.000.00.00.H56	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	1174/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh	
99	1.000729.000.00.00.H56	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	3350/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	
100	1.005144.000.00.00.H56	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	2252/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
101	1.002407.000.00.00.H56	Xét, cấp học bổng chính sách	5239/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	
102	1.009002.H56	Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên	1096/QĐ-UBND ngày 14/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
103	1.004435.000.00.00.H56	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh	3350/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	
104	1.004436.000.00.00.H56	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số	3350/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	
105	1.002982.000.00.00.H56	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người.	3350/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	
VIII	Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ			
106	1.004889.000.00.00.H56	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy	4169/QĐ-UBND ngày 18/10/2024	

		chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	của Chủ tịch UBND tỉnh	
107	3.000465.H56	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp tỉnh)	2209/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	
108	3.000466.H56	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp tỉnh)	của Chủ tịch UBND tỉnh	
IX	Lĩnh vực Kiểm định chất lượng giáo dục			
109	1.000713.000.00.00.H56	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	2209/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
110	1.000711.000.00.00.H56	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục		
111	1.000715.000.00.00.H56	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục		
112	1.000259.000.00.00.H56	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	3350/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ			
I	Lĩnh vực Giáo dục mầm non			
1	1.012962.H56	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	2252/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
2	1.012961.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ		
3	1.006445.000.00.00.H56	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ		
4	1.006390.000.00.00.H56	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục		
5	1.006444.000.00.00.H56	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại		
6	1.012974.H56	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)		
7	1.012973.H56	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập		
8	1.012972.H56	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại		
9	1.012971.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập		
II	Lĩnh vực Giáo dục tiểu học			
10	1.001639.000.00.00.H56	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	2252/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
11	1.004563.000.00.00.H56	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học		
12	1.004552.000.00.00.H56	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại		
13	2.001842.000.00.00.H56	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục		
14	1.005099.000.00.00.H56	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	2280/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
15	1.012963.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học		
III	Lĩnh vực Giáo dục trung học			

16	1.012968.H56	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	2252/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
17	1.012966.H56	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại		
18	1.012965.H56	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục		
19	1.012967.H56	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở		
20	1.012964.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở		
21	1.005108.000.00.00.H56	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	3352/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	
22	2.002482.000.00.00.H56	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	2280/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
23	2.002483.000.00.00.H56	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài		
24	2.002481.000.00.00.H56	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	2240/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
25	3.000182.000.00.00.H56	Tuyển sinh trung học cơ sở	611/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
IV	Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên			
26	1.012969.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	2252/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
27	1.012970.H56	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại		
28	3.000307.H56	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng		
29	3.000308.H56	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)		
V	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp			
30	2.002284.000.00.00.H56	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	2236/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
31	2.001960.000.00.00.H56	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài		
VI	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân			
32	1.011458	Hỗ trợ kinh phí đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu	3048/QĐ-UBND ngày 22/7/2024	

		công nghiệp	của Chủ tịch UBND tỉnh	
33	1.002407.000.00.00.H56	Xét, cấp học bổng chính sách	2280/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
34	1.008725.000.00.00.H56	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	2252/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
35	1.008724.000.00.00.H56	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận		
36	1.008950.000.00.00.H56	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	2280/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
37	1.008951.000.00.00.H56	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp		
38	1.001714.000.00.00.H56	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	2240/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
39	1.005144.000.00.00.H56	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	2252/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
40	1.001622.000.00.00.H56	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	2280/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
41	1.003702.000.00.00.H56	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	1174/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh	
42	1.285399.000.00.00.H56	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	3352/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	
VII	Lĩnh vực Văn bằng, chứng chỉ			
43	3.000468.H56	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	2209/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
44	3.000467.H56	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)		
VIII	Lĩnh vực Các cơ sở giáo dục khác			
45	1.012975.H56	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	2252/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	
46	3.000309.H56	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở		
IX	Lĩnh vực thi, tuyển sinh			
47	1.005090.000.00.00.H56	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	2240/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	

